

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **159/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 04-11-2022

V/v: *Ly hôn*.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Đặng Song Hoàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Ngày 04 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 851/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2022 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/10/2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1994.

2. *Bị đơn:* Ông Dương Văn V, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: BS, Phường MM, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(*Nguyên đơn và bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

**NỘI D V U Á N:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà và ông Dương Văn V sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường MM, thành phố VT vào năm 2015. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian khá dài thì phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung và bất đồng quan điểm. Hiện, bà và ông V đang sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Bà xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông V không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Dương Văn V.

Về con chung: Có 02 người con gồm: Dương Quỳnh Ch, sinh ngày 05-4-2016 và Dương Ngọc Hạnh D, sinh ngày 26-9-2020. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ch và cháu D. Không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình tố tụng ông Dương Văn V trình bày:*

Ông xác nhận hoàn cảnh, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như bà H trình bày.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống êm ấm, hạnh phúc được một khoảng thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn. Hiện tại vợ chồng đang sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Ông xác định cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 02 người con chung như bà H trình bày. Khi ly hôn ông đồng ý giao cháu Ch và cháu D cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Dương Văn V có địa chỉ cư trú tại thành phố VT. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố VT theo quy định tại Khoản 1, Điều 28; điểm a, Khoản 1, Điều 35; điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Nguyễn Thị H và ông Dương Văn V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà H và ông V.

Trong vụ án này, Tòa án không tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không thuộc quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 nên không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm.

#### **[2] Về nội D:**

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** Bà H và ông V có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình tố tụng, ông V và bà H đều xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ông bà có mâu thuẫn và không có hạnh phúc. Bà H yêu cầu ly hôn với ông V, ông V đồng ý.

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Dương Văn V.

**[2.2] Về con chung:** Ông V và bà H có 02 người con chung gồm: Dương Quỳnh Ch, sinh ngày 05-4-2016 và Dương Ngọc Hạnh D, sinh năm 26-9-2020. Ông V và bà H thống nhất giao cháu Ch và cháu D cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì vậy, giao cháu Ch và cháu D cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu nên không xem xét.

**[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**[3] Về án phí:** Bà H phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lý trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử : Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị H và ông Dương Văn V thuận tình ly hôn.

**2. Về con chung:** Giao cháu Dương Quỳnh Ch, sinh ngày 05-4-2016 và Dương Ngọc Hạnh D, sinh năm 26-9-2020 cho bà Hà trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Ông V có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông V thực hiện quyền này. Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**3. Về tài sản chung, nợ chung, cấp dưỡng nuôi con:** Không xem xét.

**4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003198 ngày 30/9/2022 tại Ch cục thi hành án Dân sự thành phố VT, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Bà H đã nộp xong án phí.

**5.** Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**6.** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử lại theo thủ

tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

***Nơi nhận:***

- TAND t. Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tp. VT;
- Ch cục THADS tp. VT;
- UBND P.MM, tp. VT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thanh**